

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TT  
TỈNH TH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2021/DS-ST

Ngày: 09-11-2021

V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT TỈNH TH**

**- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trương Thị Hồng Xuân

2. Ông Nguyễn Mạnh Thìn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Văn Hải – Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH.

***Đại diện VKSND huyện TT, tỉnh TH không tham gia phiên tòa.***

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2021/QĐST- DS ngày 29 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐST- DS ngày 26 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (Agibank)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th - Chủ tịch hội đồng Th viên Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh Đ- Chức danh: Giám đốc NHNN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện TT Bắc TH.

Địa chỉ: Khu 5, TT K, huyện TT, tỉnh TH.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Thanh Đ:

Ông Nguyễn Văn V – Chức vụ: Phó Giám đốc NHNN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện TT Bắc TH.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hồng Q; sinh năm: 1970

Địa chỉ: Thôn BC, xã TV, huyện TT, tỉnh TH. Vắng mặt

-*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971  
Địa chỉ: Thôn BC, xã TV, huyện TT, tỉnh TH. Vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án, NHNN&PTNT Việt Nam trình bày:

Gia đình ông Nguyễn Hồng Q và bà Nguyễn Thị H được Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện TT Bắc TH cho vay để sản xuất, chăn nuôi từ tháng 12 năm 2016. Hợp đồng vay vốn số 3507-047630909 ngày 07/12/2016. Số tiền cho vay là 70.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 10%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn trả nợ theo phân kỳ cụ thể ngày 28/12/2018 phải trả 10.000.000 đồng; ngày 07/12/2019 phải trả 60.000.000 đồng. Tuy nhiên đến phân kỳ trả nợ ngày 28/12/2018 và ngày 07/12/2019 ông Q và bà H không trả được tiền nợ gốc theo thỏa thuận. Quá trình vay nợ gia đình ông Q đã trả được cho ngân hàng 15.000.000 tiền nợ gốc và 18.199.999 đồng tiền lãi. Toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại đã quá hạn kể từ ngày 07 tháng 12 năm 2019, ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở, yêu cầu gia đình ông Nguyễn Hồng Q và bà Nguyễn Thị H trả nợ theo các cam kết đã ký, tuy nhiên đến nay gia đình ông Nguyễn Hồng Q và bà Nguyễn Thị H vẫn không trả nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án ông Q và bà H đã tự nguyện trả cho ngân hàng NHNN&PTNT Việt Nam Chi nhánh huyện TT Bắc TH số tiền gốc là 33.000.000 đồng. Ngân hàng đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc gia đình ông Q và bà H đã trả.

Đến nay NHNN&PTNT Việt Nam đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hồng Q, bà Nguyễn Thị H phải trả nợ đối khoản vay của NHNN&PTNT Việt Nam Chi nhánh huyện TT Bắc TH theo sổ vay vốn, kèm hợp đồng tín dụng số 3507-047630909 ngày 07/12/2016 bao gồm tiền gốc chưa trả và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm. Yêu cầu ông Q và bà H phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh sau khi xét xử cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Ngân hàng xác định quá trình từ khi vay nợ cho đến nay, ông Q và bà H đã trả được 48.000.000đ tiền gốc và 18.199.999 đồng tiền lãi; Ngân hàng yêu cầu ông Q và bà H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc còn lại là 22.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 09/11/2021 là 19.086.612 đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Q và bà H không đến Tòa án làm việc và không có văn bản ghi ý kiến nộp cho Tòa án. Do đó, không có lời khai của ông Q và bà H trong hồ sơ vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: NHNN&PTNT Việt Nam và ông Nguyễn Hồng Q, bà Nguyễn Thị H đang tranh chấp về “ Hợp đồng vay tài sản” do ông Q và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần thứ hai nhưng ông Q và bà H không có mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt ông Q, bà H và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Tòa án cũng đã triệu tập họp ông Q và bà H đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[3]. Tại phiên tòa, ông Q và bà H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn về yêu cầu trả số tiền gốc số tiền gốc 33.000.000 đồng mà ông Q và bà H đã tự nguyện trả cho ngân hàng trong quá trình giải quyết vụ án. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện trên là phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn V và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu trả tiền số tiền gốc (số tiền rút yêu cầu là 33.000.000 đồng) theo quy định tại khoản 2 điều 244 của bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Về hình thức của hợp đồng: Theo hợp đồng vay vốn số 3507-047630909 ngày 07/12/2016 mà đại diện nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, việc ký kết hợp đồng giữa ông Q với NHNN&PTNT Việt Nam được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, đảm bảo điều kiện về chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, phần cuối hợp đồng có chữ ký của người vay tiền là ông Nguyễn Hồng Q, chữ ký và đóng dấu của bên phía Ngân hàng. Nội dung của hợp đồng không vi pháp pháp luật và không trái đạo Đ xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp.

[6]. Bà Nguyễn Thị H không trực tiếp đứng ra vay tiền của Ngân hàng nhưng trong văn bản đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 06/12/2016 (Có xác nhận của UBND xã Th Vinh), bà H có ký tên để đề nghị vay vốn của Ngân hàng mục đích là sản xuất, chăn

nuôi. Như vậy, Tòa án xác định bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7]. Về số tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ: Theo hợp đồng vay vốn số 3507-047630909 ngày 07/12/2016 ông Nguyễn Hồng Q được NHNN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện TT Bắc TH cho vay số tiền là 70.000.000 đồng. Mục đích vay là để “sản xuất, chăn nuôi” thời hạn vay là 36 tháng trả tiền gốc theo phân kỳ chia làm 02 kỳ, lãi suất trong hạn là 10 %/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Định kỳ trả lãi là 06 tháng/1 kỳ vào ngày 28. Ngày trả nợ cuối cùng của khoản vay là ngày 07/12/2019. Đến nay, ông Q và bà H mới trả được cho ngân hàng số tiền gốc là 48.000.000 đồng và 18.199.999 đ, Do đó ông Q và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng. Ngân hàng yêu cầu cả ông Q và bà H cùng có trách nhiệm trả nợ là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 357, 463, 466, 468 BLDS. Do đó buộc ông Q và bà H phải trả cho NHNN&PTNT Việt Nam tổng số tiền 41.086.612 đồng, trong đó, tiền nợ gốc là 22.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 19.086.612 đồng.

[8]. Đối với yêu cầu của Ngân hàng đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến ngày ông Q, bà H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Xét thấy thỏa thuận này đã được các bên giao kết trong Hợp đồng và phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, số tiền này bằng 2.054.330 đ; trả lại cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện TT Bắc TH số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 275, Điều 280, khoản 1 Điều 351, Điều 463, 466, 468 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 244, Điều 147 BLTTDS; Điểm b khoản 1 điều 24, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu trả số tiền gốc đối với số tiền rút yêu cầu khởi kiện là 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng)

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NHNN&PTNT Việt Nam (Agribank). Buộc ông Nguyễn Hồng Q và bà Nguyễn Thị H phải trả cho NHNN&PTNT Việt Nam (Agribank) số tiền 41.086.612 đồng ( Bốn mươi một triệu không trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm mười hai đồng), trong đó tiền gốc là 22.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/11/2021) là 19.086.612 đồng.

Ông Nguyễn Hồng Q, bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh đối với

khoản tiền dư nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết số dư nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Hồng Q và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.054.330 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi tư nghìn ba trăm ba mươi đồng). Trả lại cho NHNN&PTNT Việt Nam (Agribank) 1.766.000 đồng (Một triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003105 ngày 10/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TT.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn, Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhân:**

- VKSND huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Tuấn**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Thị Hồng Xuân**

**Nguyễn Mạnh Thìn**

**Bùi Văn Tuấn**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Tuấn**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Trương Thị Hồng Xuân**

**Nguyễn Mạnh Thìn**

**Bùi Văn Tuấn**

